

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2018

Báo cáo gồm có:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Hà nội, ngày 20 tháng 07 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		8,398,791,954	18,535,050,693
I. Nợ ngắn hạn	310		8,398,791,954	18,535,050,693
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	6,300,000	39,068,521
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1,816,061,354	14,466,363,516
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	2,778,815,037	25,418,413
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	70,000,000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		2,712,960,469	2,749,545,149
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1,084,655,094	1,184,655,094
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		214,876,962,967	206,024,742,651
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	214,876,962,967	206,024,742,651
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373,500,000,000	373,500,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373,500,000,000	373,500,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2,790,387,000	2,790,387,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(3,546,600,829)	(3,546,600,829)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		7,300,261,084	7,300,261,084
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(165,167,084,288)	(174,019,304,604)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(174,019,304,604)	(178,915,347,219)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		8,852,220,316	4,896,042,615
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		223,275,754,921	224,559,793,344

Lập ngày 20 tháng 07 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU


Lê Chi Hoàng

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Lê Chi Hoàng

TỔNG GIÁM ĐỐC


Vũ Xuân Hàm

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu số B01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		57,625,319,720	58,646,781,916
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1,520,414,723	5,818,068,199
1. Tiền	111		1,520,414,723	4,818,068,199
2. Các khoản tương đương tiền	112			1,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	29,848,420,691	34,439,986,886
1. Chứng khoán kinh doanh	121		11,892,362,872	7,796,667,150
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1,593,942,181)	(356,680,264)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		19,550,000,000	27,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20,722,412,533	12,174,755,993
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	21,594,232,495	25,020,338,381
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		547,516,364	1,392,283,564
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		65,673,731,439	54,505,201,813
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(67,093,067,765)	(68,743,067,765)
III. Hàng tồn kho	140	9	5,506,043,061	5,600,588,516
1. Hàng tồn kho	141		30,455,769,387	30,550,314,842
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(24,949,726,326)	(24,949,726,326)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		28,028,712	613,382,322
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			502,704,401
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			110,677,921
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	28,028,712	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		165,650,435,201	165,913,011,428
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		80,916,003	80,916,003
1. Phải thu dài hạn khác	216		49,019,156,003	49,019,156,003
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(48,938,240,000)	(48,938,240,000)
I. Tài sản cố định	220		346,923,094	441,538,480
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	346,923,094	441,538,480
- Nguyên giá	222		1,070,958,184	1,070,958,184
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(724,035,090)	(629,419,704)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		95,400,000	95,400,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(95,400,000)	(95,400,000)
III. Bất động sản đầu tư	230		4,500,000,000	4,500,000,000
- Nguyên giá	231		4,500,000,000	4,500,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	12	133,558,162,847	133,520,662,847
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		3,510,805,388	3,510,805,388
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		130,047,357,459	130,009,857,459
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	27,149,911,666	27,190,546,666
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		490,000,000	490,000,000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		38,971,150,000	38,971,150,000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(12,311,238,334)	(12,270,603,334)
III. Tài sản dài hạn khác	260		14,521,591	179,347,432
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		14,521,591	179,347,432
VII. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		223,275,754,921	224,559,793,344

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		586,892,726	4,872,449,533	12,655,490,908	10,301,552,888
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01-02)	10		586,892,726	4,872,449,533	12,655,490,908	10,301,552,888
4. Giá vốn hàng bán	11		612,805,796	4,752,037,550	3,912,397,116	9,992,144,156
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV (20=10-11)	20		(25,913,070)	120,411,983	8,743,093,792	309,408,732
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1,221,410,835	487,564,034	3,647,982,565	1,765,861,792
7. Chi phí tài chính	22		1,348,631,912	5,070,591	1,365,137,841	(163,779,928)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23					22,177,778
8. Chi phí bán hàng	24					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(619,767,870)	1,359,749,321	855,303,000	2,309,277,136
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD (30=20+(21-22)-(24+25))	30		466,633,723	(756,843,895)	10,170,635,516	(70,226,684)
11. Thu nhập khác	31					
12. Chi phí khác	32		1,088,410	0	1,088,410	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1,088,410)	0	(1,088,410)	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		465,545,313	(756,843,895)	10,169,547,106	(70,226,684)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(127,860,024)		1,317,326,790	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		593,405,337	(756,843,895)	8,852,220,316	(70,226,684)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Lập ngày 20 tháng 07 năm 2018

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)



Lê Thị Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)



Lê Thị Hương



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Quý 2 năm 2018

Mẫu số B03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 2 năm 2018	Quý 2 năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	10,169,547,106	(70,226,684)
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	94,615,386	209,609,562
Các khoản dự phòng	03	(372,103,083)	(206,541,697)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1,738,958,902)	(1,098,771,589)
Chi phí lãi vay	06		22,177,778
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	8,153,100,507	(1,143,752,630)
Giảm các khoản phải thu	09	(4,946,040,323)	(1,887,834,212)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	94,545,455	(1,113,231,451)
(Giảm) các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(11,353,585,529)	(991,943,609)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	164,825,841	144,335,481
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	(4,095,695,722)	(2,418,735,700)
Tiền lãi vay đã trả	14		(22,177,778)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	(100,000,000)	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		
Chuyển tiền bán cổ phần về Tập đoàn			-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(12,082,849,771)	(7,433,339,899)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(37,500,000)	(167,801,033)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(14,050,000,000)	(21,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	21,500,000,000	30,500,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(1,956,670,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	372,696,295	1,177,578,061
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	7,785,196,295	8,553,107,028

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 2 năm 2018	Quý 2 năm 2017
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	6,000,000,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(6,000,000,000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(4,297,653,476)	1,119,767,129
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5,818,068,199	2,174,377,047
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	1,520,414,723	3,294,144,176

Ngày 20 tháng 07 năm 2018

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

Lê Thị Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Lê Thị Hương

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Vũ Xuân Hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** Thương mại và Dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** Dịch vụ kinh doanh và đầu tư Bất động sản; Dịch vụ đầu tư tài chính
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm**
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

i. Chứng khoán kinh doanh:

Chứng khoán kinh doanh phải được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm xuống thấp hơn giá gốc, kế toán được lập dự phòng giảm giá.

Doanh nghiệp phải hạch toán đầy đủ, kịp thời các khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán kinh doanh. Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Khi nhà đầu tư nhận được thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do công ty cổ phần sử dụng thặng dư vốn cổ phần, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (chia cổ tức bằng cổ phiếu) để phát hành thêm cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh Báo cáo tài chính, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư vào công ty cổ phần. Mọi trường hợp hoán đổi cổ phiếu đều phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh (tính theo từng loại chứng khoán), giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi động (bình quân gia quyền theo từng lần mua).

ii. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá theo số thực tế có thể thu hồi.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán phải đánh giá lại tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ:

- Tỷ giá áp dụng đối với các khoản tiền gửi bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản tiền gửi;
-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Tỷ giá áp dụng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn).

iii. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

+ Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);

+ Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Khi lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp phải xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê, Bất động sản đầu tư

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 05
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

b) Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí XDCCDD phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả lãi vay vốn hóa nếu có) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa TSCĐ đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

c) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê đất theo quy định. Số năm khấu hao của Bất động sản đầu tư là 40 năm.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, trích lập các quỹ, chia cổ tức

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập trong năm căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

16. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

17. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	545.138.019	403.285.613
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	975.276.704	4.414.782.586
Các khoản tương đương tiền	-	1.000.000.000
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>	-	<i>1.000.000.000</i>
Cộng	<u>1.520.414.723</u>	<u>5.818.068.199</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**2. Các khoản đầu tư tài chính****a) Chứng khoán kinh doanh**

Chi tiết Chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	11.892.362.872	10.298.420.691	(1.593.942.181)	7.796.667.150	7.439.986.886	(356.680.264)
Công ty cổ phần Xây dựng Sông Hồng (ICG)	385.032.000	156.160.000	(228.872.000)	385.032.000	168.360.000	(216.672.000)
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí- CTCP (DPM)	-	-	-	1.694.806.977	1.612.500.000	(82.306.977)
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2)	3.144.603.590	3.113.700.000	(30.903.590)	282.809.790	282.809.790	-
Công ty cổ phần PVI (PVI)	6.824.840.670	5.800.000.000	(1.024.840.670)	3.882.314.750	3.840.000.000	(42.314.750)
Công ty cổ phần tập đoàn thép Tiên Lân (TLH)	464.053.037	381.480.000	(82.573.037)	352.886.537	337.500.000	(15.386.537)
Công ty cổ phần Nam Việt (ANV)	80.689	80.689	-	617.704.063	617.704.063	-
Công ty cổ phần đầu tư Nam Long (NLG)	759.615.719	623.000.002	(136.615.717)	581.113.033	581.113.033	-
Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt (LPB)	314.137.167	224.000.000	(90.137.167)	-	-	-
Cộng	11.892.362.872	10.298.420.691	(1.593.942.181)	7.796.667.150	7.439.986.886	(356.680.264)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	(356.680.264)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.237.261.917)
Hoàn nhập dự phòng	-
Số cuối kỳ	(1.593.942.181)

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	<i>490.000.000</i>	<i>(144.587.111)</i>	<i>490.000.000</i>	<i>(144.587.111)</i>
Công ty cổ phần công nghệ Aladin (1)	490.000.000	(144.587.111)	490.000.000	(144.587.111)
<i>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</i>	<i>38.971.150.000</i>	<i>(12.166.651.223)</i>	<i>38.971.150.000</i>	<i>(12.126.016.223)</i>
Công ty Cổ phần Fortika Nam Trung Yên (2)	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Hợp tác xã Công Nghiệp Đoàn Kết (3)	13.678.080.000	(8.039.511.223)	13.678.080.000	(8.039.511.223)
Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ Vinacomin (4)	4.506.400.000	(4.127.140.000)	4.506.400.000	(4.086.505.000)
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm- PVIRE	5.786.670.000	-	5.786.670.000	-
Cộng	39.461.150.000	(12.311.238.334)	39.461.150.000	(12.270.603.334)

(1): Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Aladin theo Quyết định số 12/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư PV2. Theo đó Công ty góp 490.000.000 VND tương ứng 49% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Công nghệ Aladin được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0107641285 ngày 21 tháng 11 năm 2016 với số vốn điều lệ 1.000.000.000 VND.

(2): Khoản đầu tư góp vốn cùng 3 cổ đông khác thành lập Công ty Cổ phần Fortika Nam Trung Yên để cùng hợp tác đầu tư khai thác dự án tại Lô CN1 khu đô thị Trung Yên. Giá trị vốn đã góp 15 tỷ đồng tương đương 10% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Fortika Nam Trung Yên. Năm 2016, Công ty này đã có phương án tăng vốn điều lệ để tiếp tục triển khai dự án.

(3): Khoản đầu tư góp vốn vào Hợp tác xã Công Nghiệp Đoàn Kết nhằm chuyển đổi mục đích sử dụng đất và phát triển hạ tầng tại số 30 phố Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty đã góp 13.678.080.000 VND tương đương 26,582% vốn điều lệ. Giá trị dự phòng được trích lập nêu trên là số đã trích từ năm 2014. Năm 2017, Đại hội thành viên thường niên HTX đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 và kế hoạch kinh doanh năm 2017 tiếp tục có lãi và PV2 đã được tạm ứng cổ tức năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(4): Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 nắm giữ 135.450 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vinacomin với giá trị sổ sách là 4.506.400.000 VND.

(5): Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 sở hữu 578.667 cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm - PVIRE với tổng giá trị 5.786.670.000 đồng. Trong đó Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng là 578.667 cổ phần, số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng là 0 cổ phần.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>				
Công ty Cổ phần Điện tử Viễn Thông Việt (1)	21.594.000.000	(21.594.000.000)	21.594.000.000	(21.594.000.000)
Các đối tượng khác	232.495	-	3.426.338.381	-
Cộng	21.594.232.495	(21.594.000.000)	25.020.338.381	(21.594.000.000)

(1) Đối với khoản phải thu Công ty Cổ phần Điện tử Viễn thông Việt, Công ty đã làm thủ tục khởi kiện yêu cầu phía Ngân hàng bảo lãnh phải thanh toán toàn bộ số tiền này. Hiện vụ kiện đang trong quá trình thụ lý hồ sơ của tòa án. Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng cho toàn bộ khoản phải thu này.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	547.516.364	1.392.283.564
Văn Phòng Luật Sư Phan Hữu Thức	55.000.000	55.000.000
Công ty Luật TNHH Biển Bắc	50.000.000	50.000.000
Công ty TNHH Xăng dầu Housinco	68.880.000	53.332.200
Công ty CP Tư vấn đầu tư XNK Quốc tế VCN	363.636.364	363.636.364
Công ty TNHH MTV vận tải đường sắt Hà Nội	-	826.145.000
Các nhà cung cấp khác	10.000.000	44.170.000
Cộng	547.516.364	1.392.283.564

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Các khoản phải thu khác****a) Ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	65.673.731.439	(45.499.067.765)	54.505.201.813	(47.149.067.765)
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, lãi				
Hợp đồng Hợp tác kinh doanh	1.068.941.774	-	187.679.167	-
Công ty Cổ phần PVI	189.706.930	-	-	-
Cổ tức Công ty Cổ phần PVI	560.000.000	-	-	-
Cổ tức Công ty cổ phần Dạm				
Phú Mỹ	-	-	75.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	4.400.000	-	4.400.000	-
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	310.823.692	-	551.803.819	-
Công ty TNHH Hoàn Mỹ Gia				
(1)	44.354.771.796	(44.354.771.796)	46.004.771.796	(46.004.771.796)
Lãi dự thu từ Hợp đồng Ủy				
thác đầu tư (2)	1.144.295.969	(1.144.295.969)	1.144.295.969	(1.144.295.969)
Tạm ứng	260.298.080	-	310.298.080	-
Ông Nguyễn Anh Tuấn - tiền				
góp vốn kinh doanh (3)	17.684.553.198	-	6.127.983.198	-
Các khoản phải thu ngắn hạn				
khác	95.940.000	-	98.969.784	-
Cộng	65.673.731.439	(45.499.067.765)	54.505.201.813	(47.149.067.765)

(1): Là khoản phải thu từ các Hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/HĐHTĐT/2011/PVII-HMG ký ngày 05 tháng 01 năm 2011, Hợp đồng hợp tác đầu tư số 09/HĐHTĐT/2011/PVII-HMG ký ngày 18 tháng 02 năm 2011 và các biên bản xác định nghĩa vụ công nợ ký ngày 20 tháng 12 năm 2012. Theo đó, tổng số tiền phải thu (bao gồm cả gốc và lãi) từ các hợp đồng ủy thác đầu tư đã quá hạn nhưng đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 53.926.219.796 đồng. Công ty đã thu hồi tài sản đảm bảo là Bất động sản tại huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với tổng giá trị được hai bên thống nhất theo các Hợp đồng chuyển nhượng là 27.848.539.202 đồng; Giá mua trên Hợp đồng chuyển nhượng được tham chiếu dựa trên Chứng thư định giá số 289.1/12/CT-VVFC/CNMN ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam- Chi nhánh Miền Nam. Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2018 các lô đất thu hồi vẫn chưa sang được tên PV2. Theo thông tin từ Tổng cục thuế thì Công ty Hoàn Mỹ Gia đã ngừng hoạt động. PV2 đã khởi kiện hình sự Công ty TNHH Hoàn Mỹ Gia. Công ty đã trích lập 100% dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản nợ này. Trong 6 tháng đầu năm 2018, Công ty đã thu hồi được 1.650.000.000 đồng và hoàn nhập dự phòng số tiền trên.

(2): Là khoản lãi dự thu từ các Hợp đồng Ủy thác đầu tư. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với giá trị 1.144.295.969 đồng.

(3): Là khoản tiền góp vốn kinh doanh nhà biệt thự liền kề thuộc dự án Khu nhà ở thấp tầng Embassy Garden theo hợp đồng góp vốn kinh doanh số 1702/2017/HĐGVKD-PV2-NAT giữa công ty Cổ phần đầu tư PV2 và Ông Nguyễn Anh Tuấn. Phụ lục Hợp đồng góp vốn kinh doanh số 01/2017/HĐGVKD-PV2-NAT ngày 28/12/2017 gia hạn thời gian Hợp đồng góp vốn 1702/2017/HĐGVKD-PV2-NAT đến ngày 30 tháng 12 năm 2018. Phụ lục Hợp đồng số 02/2017/HĐGVKD-PV2-NAT ngày 28 tháng 12 năm 2017 thay đổi lãi suất góp vốn là 8%. Lợi nhuận góp vốn được thanh toán sau ngày hết hạn hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**b) Dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu từ Hợp đồng Hợp tác kinh doanh	41.600.000.000	(41.600.000.000)	41.600.000.000	(41.600.000.000)
<i>Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng 18 (1)</i>	<i>26.600.000.000</i>	<i>(26.600.000.000)</i>	<i>26.600.000.000</i>	<i>(26.600.000.000)</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Đỏ (2)</i>	<i>15.000.000.000</i>	<i>(15.000.000.000)</i>	<i>15.000.000.000</i>	<i>(15.000.000.000)</i>
<i>Công ty TNHH Chí Thành (3)</i>	<i>7.338.240.000</i>	<i>(7.338.240.000)</i>	<i>7.338.240.000</i>	<i>(7.338.240.000)</i>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	80.916.003	-	80.916.003	-
Cộng	49.019.156.003	(48.938.240.000)	49.019.156.003	(48.938.240.000)

(1): Là khoản phải thu theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh đầu tư dự án Xây dựng khu nhà ở, văn phòng cho thuê và các hạng mục công trình hạ tầng khác tại phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Từ năm 2014, Công ty đã trích lập dự phòng 100% khoản nợ phải thu này.

(2): Là khoản phải thu theo các Hợp đồng hợp tác liên doanh ký với Công ty CP Đầu tư phát triển Sao Đỏ (gọi tắt là Công ty Sao Đỏ) để đầu tư Xây dựng và cải tạo lại chung cư cũ 1A- 1B Phường Chí Kiên, Cầu Giấy, Hà Nội và dự án cải tạo nhà tập thể Xe lửa Gia Lâm tại Quận Long Biên; PV2 đã khởi kiện Công ty Sao đỏ ra tòa. Ngày 27/01/2016 Tòa án NDTP Hà nội đã ban hành bản án số 10/2016/KDTM-PT về việc tranh chấp hợp đồng liên doanh, theo đó buộc Công ty Sao đỏ phải hoàn trả PV2 toàn bộ số tiền 15.000.000.000 đồng. Đến thời điểm 31/12/2016, Công ty Sao đỏ vẫn chưa chịu thi hành án. Công ty PV2 tiếp tục khởi kiện hình sự Công ty Sao Đỏ. Khoản nợ đã được trích lập dự phòng 100% từ năm 2014.

(3): Là khoản phải thu Công ty TNHH Chí Thành theo Hợp đồng góp vốn để đầu tư vào dự án khu đô thị Điện Nam, Điện Ngọc, tỉnh Quảng Nam. PV2 đã khởi kiện Công ty TNHH Chí Thành , ngày 28/9/2016 Tòa án Nhân Dân Thị xã Điện Bàn tỉnh Quảng Nam đã ban hành bản án số 12/2016/KDTM-ST buộc Công ty TNHH Chí Thành phải thanh toán nợ gốc 7.338.240.000 đồng và 2.146.435.200 đồng tiền lãi phát sinh. Tuy nhiên đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2018, Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 vẫn chưa thu hồi được khoản nợ trên. Khoản nợ đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 100% từ năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng hóa bất động sản	30.455.769.387	(24.949.726.326)	30.455.769.387	(24.949.726.326)
<i>Chung cư Phú Mỹ (1)</i>	<i>4.287.603.061</i>	<i>-</i>	<i>4.287.603.061</i>	<i>-</i>
<i>Khu đất tại Xóm Rậm, Cư Yên- Lương Sơn- tỉnh Hòa Bình của Ông Lê Văn Giang (2)</i>	<i>487.493.000</i>	<i>(487.493.000)</i>	<i>487.493.000</i>	<i>(487.493.000)</i>
<i>Khu đất tại Xã Phú Ngọc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai (3)</i>	<i>25.680.673.326</i>	<i>(24.462.233.326)</i>	<i>25.680.673.326</i>	<i>(24.462.233.326)</i>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở đang	-	-	94.545.455	-
Cộng	30.455.769.387	(24.949.726.326)	30.550.314.842	(24.949.726.326)

(1): Là giá trị Bất động sản theo Hợp đồng mua bán căn hộ số 71/HĐMB/PML/NOI-T4 ngày 28 tháng 4 năm 2016 và Hợp đồng mua bán căn hộ số 82/HĐMB/PML/NOI-T4 ngày 28 tháng 4 năm 2016 thuộc dự án Nhà ở Chung cư cao cấp NOI-T4 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Phú Mỹ và Công ty Cổ phần Đầu tư PV2.

(2) Bất động sản tại Xóm Rậm, Cư Yên- Lương Sơn- tỉnh Hòa Bình của Ông Lê Văn Giang. Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá Bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 với số trích lập 487.493.000 VND.

(3) Là Quyền sử dụng đất tại xã Phú ngọc huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai hình thành từ việc thu hồi 07 BDS của Ông Lê Văn Tùng do thanh lý Hợp đồng Quản lý Bất động sản số 03/QLBDS/PV2-LVT ngày 25 tháng 5 năm 2011. Theo Biên bản thanh lý Hợp đồng ký ngày 26 tháng 12 năm 2012, Công ty nhận lại 7 BDS trên do hết thời hạn của Hợp đồng quản lý BDS nhưng phía đối tác chưa hoàn trả số tiền đặt cọc cho Công ty. Giá trị của BDS được xác định bằng giá trị còn lại được kết chuyển từ Bất động sản đầu tư. Hội đồng đánh giá các khoản Đầu tư và công nợ của Công ty đánh giá xác định lại giá trị hợp lý của lô đất bằng giá qui định của UBND tỉnh Đồng Nai nêu trên là 10.000 đồng/1m² để trích lập dự phòng Giảm giá Hàng hóa BDS này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	820.000.000	250.958.184	1.070.958.184
Số cuối kỳ	820.000.000	250.958.184	1.070.958.184
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>		250.958.184	250.958.184
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	378.461.520	250.958.184	629.419.704
Khấu hao trong kỳ	94.615.386	-	94.615.386
Số cuối kỳ	473.076.906	250.958.184	724.035.090
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	441.538.480	-	441.538.480
Số cuối kỳ	346.923.094	-	346.923.094

8. Tăng giảm bất động sản đầu tư

Là Quyền sử dụng đất tại thôn Bát Trảng, xã Bát Trảng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội có được từ việc thanh lý Hợp đồng quản lý Bất động sản với giá gốc của Bất động sản đã được xác định bằng số tiền đặt cọc phải thu là 4.500.000.000 đồng. Hiện tại Công ty chưa tìm được đối tác tư vấn phù hợp để thực hiện công việc xác định giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018.

9. Tài sản dở dang dài hạn**a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Dự án Nhà ở Cán bộ Nhân viên Nhà máy Lọc dầu Dung Quất (1)</i>	3.510.805.388	3.510.805.388	3.510.805.388	3.510.805.388
Cộng	3.510.805.388	3.510.805.388	3.510.805.388	3.510.805.388

(1): Là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang thuộc Dự án Nhà ở Cán bộ Nhân viên Nhà máy Lọc dầu Dung Quất do Công ty làm chủ đầu tư. Theo Công văn số 1427/BQL-PTĐT ngày 02 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Công ty đã được giãn tiến độ triển khai thực hiện dự án từ ngày 13 tháng 7 năm 2016 đến 13 tháng 7 năm 2021. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng Công ty hoàn toàn có khả năng thực hiện thành công Dự án này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	623.877.900	595.928.168	27.949.732	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	100.174.388	1.317.326.790	-	1.217.152.402	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	10.503.533	18.313.000	35.838.179	-	28.028.712
Thuế tài nguyên	-	-	719.776.680	80.816.190	638.960.490	-
Thuế nhà đất	-	-	-	-	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	979.288.000	109.954.000	869.334.000	-
Các loại thuế khác	25.418.413	-	3.000.000	3.000.000	25.418.413	-
Cộng	25.418.413	110.677.921	3.661.582.370	825.536.537	2.778.815.037	28.028.712

(*) Thuế nộp thừa được trình bày chi tiêu thuế và các khoản phải thu nhà nước

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	48.592.752	73.047.696
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.558.451.673	2.558.451.673
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	96.409.164	118.045.780
Cộng	2.703.453.589	2.749.545.149

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	963.789.147	1.063.789.147
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	120.865.947	120.865.947
Cộng	1.084.655.094	1.184.655.094

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**b) Xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Dự án khu dân cư theo quy hoạch tại tỉnh Đồng Nai (2)</i>	130.047.357.459	130.047.357.459	130.009.857.459	130.009.857.459
Cộng	130.047.357.459	130.047.357.459	133.520.662.847	133.520.662.847

(2): Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang thuộc Dự án Khu dân cư theo quy hoạch tại tỉnh Đồng Nai. Ngày 28 tháng 5 năm 2014, Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đã có văn bản số 1928/UBND-CN về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án phát triển Khu dân cư theo quy hoạch với quy mô 99.910 m² tại xã Long Tân và xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai do Công ty làm chủ đầu tư. Theo đó, Dự án được thực hiện từ quý I năm 2014 đến quý IV năm 2019. Ngày 06 tháng 01 năm 2015 UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 13/QĐ-UBND phê duyệt việc chuyển đổi mục đích Dự án từ Xây dựng nhà ở thương mại sang nhà ở xã hội. Ngày 23 tháng 1 năm 2017 UBND tỉnh Đồng Nai đã ký quyết định số 283/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư.

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí cải tạo toa tàu	-	133.452.075
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	25.085.130
Chi phí mua phần mềm kế toán	4.300.000	6.500.000
Chi phí mua điện thoại	10.221.591	14.310.227
Cộng	14.521.591	179.347.432

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt	6.300.000	-
Công ty TNHH khảo sát và xây dựng 6	-	17.373.521
Công ty TNHH Công nghệ và Xét nghiệm Y Học	-	21.695.000
Cộng	6.300.000	39.068.521

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
BQL Dự án nhà máy lọc dầu Dung Quất	1.292.852.516	1.292.852.516
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	472.410.000	810.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Sinh úc	-	12.363.511.000
Các khách hàng khác	50.798.838	-
Cộng	1.816.061.354	14.466.363.516

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**16. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	373.500.000.000	2.790.387.000	(3.546.600.829)	7.300.261.084	(178.915.347.219)	201.128.700.036
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	4.896.042.615	4.896.042.615
Số dư cuối năm trước	373.500.000.000	2.790.387.000	(3.546.600.829)	7.300.261.084	(174.019.304.604)	206.024.742.651
Số dư đầu năm nay	373.500.000.000	2.790.387.000	(3.546.600.829)	7.300.261.084	(174.019.304.604)	206.024.742.651
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	8.852.220.316	8.852.220.316
Số dư cuối kỳ này	373.500.000.000	2.790.387.000	(3.546.600.829)	7.300.261.084	(165.167.084.288)	214.876.962.967

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	373.500.000.000	373.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.790.387.000	2.790.387.000
Cổ phiếu quỹ	(3.546.600.829)	(3.546.600.829)
Cộng	<u>372.743.786.171</u>	<u>372.743.786.171</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.350.000	37.350.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37.350.000	37.350.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	481.200	481.200
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	481.200	481.200
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.868.800	36.868.800
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.868.800	36.868.800
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ quỹ phúc lợi; Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý được trích từ lợi nhuận sau thuế TNDN của doanh nghiệp để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.238.503.165	10.119.734.706
Doanh thu cho thuê đất	95.454.545	181.818.182
Doanh thu kinh doanh bất động sản	11.239.533.198	-
Doanh thu bán hàng hóa	82.000.000	-
Cộng	12.655.490.908	10.301.552.888

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.309.330.302	9.947.544.156
Giá vốn cho thuê đất	-	44.600.000
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	2.521.154.739	-
Giá vốn của hàng hóa	81.912.075	-
Cộng	3.912.397.116	9.992.144.156

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	1.323.205.882	693.908.589
Cổ tức, lợi nhuận được chia	415.753.020	404.863.000
Lãi bán chứng khoán	1.908.992.403	667.090.203
Doanh thu hoạt động tài chính khác	31.260	-
Cộng	3.647.982.565	1.765.861.792

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	-	22.177.778
Lỗ bán chứng khoán	66.901.105	-
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.277.896.917	(206.541.697)
Chi phí tài chính khác	20.339.819	20.583.991
Cộng	1.365.137.841	(163.779.928)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.541.755.840	1.224.507.148
Chi phí đồ dùng văn phòng	111.192.109	147.882.518
Chi phí khấu hao tài sản cố định	94.615.386	94.615.380
Thuế, phí và lệ phí	3.008.800	3.000.000
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(1.650.000.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	466.502.465	613.656.184
Các chi phí khác	288.228.400	225.615.906
Cộng	855.303.000	2.309.277.136

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành 6 tháng đầu năm 2018 được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.169.547.106	(70.226.684)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(415.753.020)	(404.863.000)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
<i>Chi phí không được trừ</i>	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(415.753.020)	(404.863.000)
<i>Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>(415.753.020)</i>	<i>(404.863.000)</i>
Thu nhập chịu thuế	9.753.794.086	(475.089.684)
Trong đó		
<i>Thu nhập chịu thuế từ HESXKD</i>	<i>3.167.160.138</i>	<i>(475.089.684)</i>
<i>Thu nhập chịu thuế từ Hoạt động khai thác Khoáng sản</i>	<i>6.586.633.948</i>	-
Lỗ các năm trước được chuyển	(3.176.666.798)	-
Thu nhập tính thuế	6.586.633.948	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.317.326.790	-

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.852.220.316	(70.226.684)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.852.220.316	(70.226.684)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	36.868.800	36.868.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	240,1	(1,9)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập thành viên Ban Lãnh đạo	297.500.000	225.000.000
Cộng	297.500.000	225.000.000

2. Cam kết chi tiêu vốn

Công ty đang thực hiện đầu tư 02 căn hộ thuộc Khu ngoại giao Đoàn, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội do Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Phú Mỹ làm chủ đầu tư với giá trị đầu tư 6,7 tỷ đồng. Công ty đang thực hiện đóng tiền theo đúng cam kết.

3. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực dịch vụ;
 - Lĩnh vực kinh doanh BĐS và cho thuê đất;
 - Lĩnh vực thương mại
-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	111.192.109	248.092.868
Chi phí nhân công	1.893.310.840	2.557.743.780
Chi phí khấu hao tài sản cố định	94.615.386	209.609.562
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.485.926.731	8.831.701.181
Hoàn nhập dự phòng	(1.650.000.000)	-
Chi phí khác	2.832.655.050	342.475.906
Cộng	4.767.700.116	12.189.623.297

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh BĐS và cho thuê đất	Lĩnh vực thương mại	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.238.503.165	11.334.987.743	82.000.000	12.655.490.908
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.238.503.165	11.334.987.743	82.000.000	12.655.490.908
Chi phí bộ phận	(1.309.330.302)	(2.521.154.739)	(81.912.075)	(3.912.397.116)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(70.827.137)	8.813.833.004	87.925	8.743.093.792
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(855.303.000)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				7.887.790.792
Doanh thu hoạt động tài chính				3.647.982.565
Chi phí tài chính				(1.365.137.841)
Thu nhập khác				-
Chi phí khác				(1.088.410)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.317.326.790)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				8.852.220.316
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	37.500.000	-	37.500.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	177.529.152	-	-	177.529.152

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh BĐS và cho thuê đất	Lĩnh vực thương mại	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	143.564.205.908	-	143.564.205.908
Tài sản phân bổ cho bộ phận	2.166.855.971	19.831.427.619	143.465.269	22.141.748.859
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				57.569.800.154
Tổng tài sản				223.275.754.921
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	178.341.585	1.632.211.959	11.807.810	1.822.361.354
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				6.576.430.600
Tổng nợ phải trả				8.398.791.954

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty là trên lãnh thổ Việt Nam. Trong đó chủ yếu là doanh thu cung cấp dịch vụ chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu tổng doanh thu của Công ty.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.520.414.723	5.818.068.199	1.520.414.723	5.818.068.199
Chứng khoán kinh doanh	10.298.420.691	7.439.986.886	10.298.420.691	7.439.986.886
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	19.550.000.000	27.000.000.000	19.550.000.000	27.000.000.000
Phải thu khách hàng	232.495	3.426.338.381	232.495	3.426.338.381
Các khoản phải thu khác	20.255.579.677	7.437.050.051	20.255.579.677	7.437.050.051
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	27.149.911.666	27.190.546.666	27.149.911.666	27.190.546.666
Cộng	78.774.559.252	78.311.990.183	78.774.559.252	78.311.990.183
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	6.300.000	39.068.521	6.300.000	39.068.521
Các khoản phải trả khác	2.712.960.469	2.819.545.149	2.712.960.469	2.819.545.149
Cộng	2.719.260.469	2.858.613.670	2.719.260.469	2.858.613.670

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	6.300.000	-	-	6.300.000
Các khoản phải trả khác	2.712.960.469	-	-	2.712.960.469
Cộng	2.719.260.469	-	-	2.719.260.469
Số đầu năm				
Phải trả người bán	39.068.521	-	-	39.068.521
Các khoản phải trả khác	2.819.545.149	-	-	2.819.545.149
Cộng	2.858.613.670	-	-	2.858.613.670

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Khả năng hoạt động liên tục

Mặc dù tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 khoản lỗ lũy kế của Công ty là 165.167.084.288 đồng chiếm 44,22% vốn chủ sở hữu; Các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng, phải thu ngắn hạn khác, phải thu dài hạn, hàng tồn kho, các khoản đầu tư tài chính dài hạn bị tổn thất và trích lập dự phòng lớn. Những điều kiện này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên 6 tháng đầu năm 2018 Công ty đang tích cực đưa các giải pháp nhằm triển khai có hiệu quả các lô đất tại Đồng Nai để giải quyết tình trạng khó khăn tài chính của Công ty. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2018, Công ty không có bất kỳ khoản nợ đến hạn nào không có khả năng thanh toán, tỷ lệ Nợ phải trả trên Tổng tài sản hầu như không đáng kể (chỉ chiếm 4%/tổng Tài sản).

Từ các yếu tố này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng các vấn đề nêu trên sẽ không ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

9. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Lập ngày 20 tháng 7 năm 2018

Kế toán trưởng



Lê Thị Hương

Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Hân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng ngắn hạn		21.594.000.000	(21.594.000.000)		21.594.000.000	(21.594.000.000)
Công ty Cổ phần Điện tử Viễn Thông Việt	quá hạn trên 3 năm	21.594.000.000	(21.594.000.000)	quá hạn trên 3 năm	21.594.000.000	(21.594.000.000)
Phải thu ngắn hạn khác		45.499.067.765	(45.499.067.765)		47.149.067.765	(47.149.067.765)
Công ty TNHH Hoàn Mỹ Gia	quá hạn trên 3 năm	44.354.771.796	(44.354.771.796)	quá hạn trên 3 năm	46.004.771.796	(46.004.771.796)
Lãi dự thu từ Hợp đồng Ủy thác đầu tư	quá hạn trên 3 năm	1.144.295.969	(1.144.295.969)	quá hạn trên 3 năm	1.144.295.969	(1.144.295.969)
Cộng dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		67.093.067.765	(67.093.067.765)		68.743.067.765	(68.743.067.765)
Phải thu dài hạn khác – Hợp đồng hợp tác kinh doanh		48.938.240.000	(48.938.240.000)		48.938.240.000	(48.938.240.000)
Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng 18	quá hạn trên 3 năm	26.600.000.000	(26.600.000.000)	quá hạn trên 3 năm	26.600.000.000	(26.600.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Đỏ	quá hạn trên 3 năm	15.000.000.000	(15.000.000.000)	quá hạn trên 3 năm	15.000.000.000	(15.000.000.000)
Công ty TNHH Chí Thành	quá hạn trên 3 năm	7.338.240.000	(7.338.240.000)	quá hạn trên 3 năm	7.338.240.000	(7.338.240.000)
Cộng dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		48.938.240.000	(48.938.240.000)		48.938.240.000	(48.938.240.000)